ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/QĐ-UBND	*Đức Thọ, ngày 03 tháng 01năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thu hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho huyện Đức Thọ;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND huyện khóa XX, kỳ họp thứ 13 về phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của huyện Đức Thọ (theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Cổng thông tin điện tử huyện Đức Thọ và niêm yết tại Trụ sở UBND huyện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Kinh tế Ngân sách;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu VT;TCKH.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hoài Đức

Biểu số: 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN**	**843.593**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**224.692**
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	10.100
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	214.592
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**618.901**
-	Thu bổ sung cân đối	618.901
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	**Thu kết dư**	
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**843.593**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	843.593
1	Chi đầu tư phát triển	158.250
2	Chi thường xuyên	674.052
3	Dự phòng ngân sách	11.291
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

Biểu số: 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	**763.350**
I	**Nguồn thu ngân sách**	**763.350**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	144.449
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**618.901**
-	Thu bổ sung cân đối	618.901
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	**Chi ngân sách**	**763.350**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	650.577
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	112.773
-	Chi bổ sung cân đối	112.773
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	**193.016**
I	**Nguồn thu ngân sách**	**80.243**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	80.243
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	**112.773**
-	Thu bổ sung cân đối	112.773
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	

Biểu số: 83/CK-NSNN

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**350.000**	**224.692**
I	**Thu nội địa**	350.000	224.692
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	80	32
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	34.000	34.000
	Thuê GTGT-TNDN	32.990	32.990
	Thuê tiêu thụ đặc biệt	110	110
	Thuê tài nguyên	900	900
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.270	2.635
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	22.000	18.000
8	Thu phí, lệ phí	5.000	4.300
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250	250
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.300	1.215
12	Thu tiền sử dụng đất	271.000	158.250
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	300	210
16	Thu khác ngân sách	8.000	4.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.800	1.800
II	**Thu viện trợ**		

Biểu số 84/CK-NSNN

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**820.720**	**650.577**	**193.016**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**820.720**	**650.577**	**193.016**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**135.377**	**96.300**	**61.950**
1	Chi đầu tư cho các dự án	135.377	73.427	61.950
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*		19.582	
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*		73.427	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư phát triển khác		22.873	
II	**Chi thường xuyên**	**674.052**	**545.759**	**128.293**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	290.595	290.595	
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Dự phòng ngân sách**	**11.291**	**8.518**	**2.773**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**0**		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**			
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**			
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

Biểu số 85/CK-NSNN

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**763.350**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	112.773
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**650.577**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**96.300**
1	Chi đầu tư cho các dự án	96.300
	Trong đó:	
1.1	Chi các hoạt động kinh tế	57.807
1.2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	19.582
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	700
1.5	Chi quốc phòng	
1.6	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
1.7	Chi văn hóa thông tin	5.650
1.8	Chi thể dục thể thao	
1.9	Chi bảo vệ môi trường	
1.10	Chi đảm bảo xã hội	1.359
1.11	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	11.202
II	**Chi thường xuyên**	**545.759**
	Trong đó:	
1	Chi các hoạt động kinh tế	108.652
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	290.595
	Chi sự nghiệp giáo dục	287.539
	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	3.056
5	Chi y tế, dân số và gia đình	36.908
6	Chi khoa học và công nghệ	
7	Chi quốc phòng	1.259
8	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	850
9	Chi VHTT, TDTT và phát thanh, truyền hình, thông tấn	4.776

Biểu số 86/CH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Tri

TT	Tên đơn vị	Tổng giao dự toán năm 2024	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5,0	6	7	8
	TỔNG CỘNG	**328.556**	**0**	**330.460**	**0**	**0**			
I	**QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**	**33.998**	**0**	**33.998**	**0**	**0**			
A	**KHỐI ĐẢNG**	**12.158**	**0**	**12.158**	**0**	**0**			
1	Văn phòng Huyện ủy	12.158		12.158		0			
B	**KHỐI QUẢN LÝ NN**	**16.647**	**0**	**16.647**	**0**	**0**			
1	HĐND huyện	1.837		1.837	0	0			
2	Văn phòng UBND huyện	13.213		13.213	0	0			
3	Phòng giáo dục và đào tạo	1.597		1.597	0	0,0			
C	**KHỐI ĐOÀN THỂ**	**5.193**	**0**	**5.193**	**0**	**0**			
1	Ủy ban MTTQ	1.849		1.849	0	0			
2	Hội nông dân	1.051		1.051		0			
3	Hội Phụ nữ	1.043		1.043		0			
4	Đoàn Thanh niên	739		739	0	0			

TT	Tên đơn vị	Tổng giao dự toán năm 2024	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
5	Hội cựu chiến binh	510		510		0			
II	**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**260.276**	**0**	**260.276**	**0**	**0,0**			
1	**Sự nghiệp giáo dục**	**257.883**	**0**	**257.883**					
	Khối mầm non	**66.295**		**66.295**					
	Trường Mầm Non Đức Lạng	1.799		1.799					
	Trường Mầm Non Đức Đồng	3.032		3.032					
	Trường Mầm Non Hòa Lạc	2.974		2.974					
	Trường Mầm Non Đức Long	2.904		2.904					
	Trường Mầm Non Đức Lập	1.729		1.729					
	Trường Mầm Non Đức An	2.864		2.864					
	Trường Mầm Non Đức Dũng	2.428		2.428					
	Trường Mầm Non Đức Lâm	2.920		2.920					
	Trường Mầm Non Đức Thanh	2.176		2.176					
	Trường Mầm Non Đức Thủy	2.351		2.351					
	Trường Mầm Non Trung Lễ	2.578		2.578					
	Trường Mầm Non Đức Thịnh	2.446		2.446					
	Trường Mầm Non Thái Yên	3.193		3.193					
	Trường Mầm Non Yên Hồ	2.591		2.591					
	Trường Mầm Non La Nhân	2.939		2.939					
	Trường Mầm Non Bùi Xá	2.626		2.626					
	Trường Mầm Non Đức Yên	3.076		3.076					
	Trường Mầm Non Thị Trấn	4.416		4.416					
	Trường Mầm Non Tùng Ảnh	4.055		4.055					
	Trường Mầm Non Trường Sơn	3.735		3.735					
	Trường Mầm Non Liên Minh	2.499		2.499					
	Trường Mầm Non Tùng Châu	2.957		2.957					

TT	Tên đơn vị	Tổng giao dự toán năm 2024	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
	Trường Mầm Non Quang Vĩnh	2.661		2.661					
	Trường Mầm Non Tân Hương	1.344		1.344					
	Khối tiểu học	**104.496**		**104.496**					
	Trường Tiểu Học Đức Lạng	3.145		3.145					
	Trường Tiểu Học Đức Đồng	4.528		4.528					
	Trường Tiểu Học Hòa Lạc	3.643		3.643					
	Trường Tiểu Học Đức Long	4.866		4.866					
	Trường Tiểu Học Đức Lập	3.703		3.703					
	Trường Tiểu Học Đức An	3.851		3.851					
	Trường Tiểu Học Đức Dũng	3.741		3.741					
	Trường Tiểu Học Đức Lâm	5.229		5.229					
	Trường Tiểu Học Đức Thanh	3.225		3.225					
	Trường Tiểu Học Đức Thủy	3.702		3.702					
	Trường Tiểu Học Trung Lễ	4.082		4.082					
	Trường Tiểu Học Đức Thịnh	4.265		4.265					
	Trường Tiểu Học Thái Yên	6.643		6.643					
	Trường Tiểu Học Yên Hồ	4.273		4.273					
	Trường Tiểu Học Nguyễn Trãi	3.274		3.274					
	Trường Tiểu Học Xuân Thiều	3.629		3.629					
	Trường Tiểu Học Đức Yên	4.834		4.834					
	Trường Tiểu Học Thị Trấn	8.011		8.011					
	Trường Tiểu Học Tùng Ảnh	7.456		7.456					
	Trường Tiểu Học Trường Sơn	5.415		5.415					
	Trường Tiểu Học Liên Minh	4.320		4.320					
	Trường Tiểu Học Tùng Châu	3.064		3.064					
	Trường Tiểu Học Quang Vĩnh	3.435		3.435					

TT	Tên đơn vị	Tổng giao dự toán năm 2024	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
	Trường Tiểu Học Tân Hương	2.162		2.162					
	Khối THCS	**87.091**		**87.091**					
	Trường THCS Đồng Lạng	6.155		6.155					
	Trường THCS Đậu Quang Lĩnh	8.847		8.847					
	Trường THCS Lê Văn Thiêm	10.058		10.058					
	Trường THCS Lê Ninh	6.032		6.032					
	Trường THCS Thanh Dũng	7.961		7.961					
	Trường THCS Bình Thịnh	8.933		8.933					
	Trường THCS Nguyễn Biểu	9.174		9.174					
	Trường THCS Yên Trấn	10.258		10.258					
	Trường THCS Hoàng Xuân Hãn	10.365		10.365					
	Trường THCS Lê Hồng Phong	9.307		9.307					
2	**Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề**	**2.393**	**0**	**2.393**	**0**	**0**			
a	Trung tâm GDNN - GDTX	1.765		1.765					
b	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	628		628					
III	**Sự nghiệp kinh tế**	**1.962**	**0**	**1.962**	**0**	**0**			
1	Trung tâm ứng dụng khoa học kỷ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi	1.962		1.962					
IV	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**550**	**0**	**550**	**0**	**0**			
1	Hội chữ thập đỏ	209		209					
2	Hội người mù	228		228					
3	Hội người cao tuổi	112		112					
V	**Sự nghiệp Văn hóa - TD - TT**	**1.904**	**0**	**1.904**		**0**			
1	Trung tâm văn hóa truyền thông	1.904		1.904					
VI	**Sự nghiệp y tế**	**26.973**	**0**	**26.973**					
1	**Trung tâm y tế huyện**	26.973		26.973					

TT	Tên đơn vị	Tổng giao dự toán năm 2024	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu		
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
VII	**An ninh (Công an huyện)**	**850**		**850**					
VIII	**Quốc phòng (Ban chỉ huy quân sự huyện)**	**1.259**		**1.259**					
IX	**Hội đặc thù**	**785,4**	**0,0**	**785,4**					
1	Hội TNXP	112,2		112,2					
2	Hội khuyến học	112,2		112,2					
3	Hội thập đỏ	112,2		112,2					
4	Hội người cao tuổi	112,2		112,2					
5	Hội người mù	112,2		112,2					
6	Hội nạn nhân chất độc da cam	112,2		112,2					
7	Hội bảo trợ người tàn tật & trẻ Mồ côi	112,2		112,2					

Biểu số 88/CK-NSNN

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
A	B	1	2	4	5	6		9	12	13
	TỔNG SỐ	**328.556**	**260.276**	**26.973**	**1.904**	**850**	**1.259**	**1.962**	**34.447**	**886**
I	**QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**	**33.998**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**33.998**	**0**
A	**KHỐI ĐẢNG**	**12.158**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**12.158**	**0**
1	Văn phòng Huyện ủy	12.158							12.158	
B	**KHỐI QUẢN LÝ NN**	**16.647**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**16.647**	**0**
1	HĐND huyện	1.837							1.837	
2	Văn phòng UBND huyện	13.213							13.213	
3	Phòng giáo dục và đào tạo	1.597							1.597	
C	**KHỐI ĐOÀN THỂ**	**5.193**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.193**	**0**
1	Ủy ban MTTQ	1.849							1.849	
2	Hội nông dân	1.051							1.051	
3	Hội Phụ nữ	1.043							1.043	
4	Đoàn Thanh niên	739							739	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
5	Hội cựu chiến binh	510							510	
II	**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**260.276**	**260.276**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Sự nghiệp giáo dục**	**257.883**	**257.883**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Khối mầm non	**66.295**	**66.295**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Trường Mầm Non Đức Lạng	1.799	1.799							
	Trường Mầm Non Đức Đồng	3.032	3.032							
	Trường Mầm Non Hòa Lạc	2.974	2.974							
	Trường Mầm Non Đức Long	2.904	2.904							
	Trường Mầm Non Đức Lập	1.729	1.729							
	Trường Mầm Non Đức An	2.864	2.864							
	Trường Mầm Non Đức Dũng	2.428	2.428							
	Trường Mầm Non Đức Lâm	2.920	2.920							
	Trường Mầm Non Đức Thanh	2.176	2.176							
	Trường Mầm Non Đức Thủy	2.351	2.351							
	Trường Mầm Non Trung Lễ	2.578	2.578							
	Trường Mầm Non Đức Thịnh	2.446	2.446							
	Trường Mầm Non Thái Yên	3.193	3.193							
	Trường Mầm Non Yên Hồ	2.591	2.591							
	Trường Mầm Non La Nhân	2.939	2.939							
	Trường Mầm Non Bùi Xá	2.626	2.626							
	Trường Mầm Non Đức Yên	3.076	3.076							

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
	Trường Mầm Non Thị Trấn	4.416	4.416							
	Trường Mầm Non Tùng Ảnh	4.055	4.055							
	Trường Mầm Non Trường Sơn	3.735	3.735							
	Trường Mầm Non Liên Minh	2.499	2.499							
	Trường Mầm Non Tùng Châu	2.957	2.957							
	Trường Mầm Non Quang Vĩnh	2.661	2.661							
	Trường Mầm Non Tân Hương	1.344	1.344							
	Khối tiểu học	**104.496**	**104.496**							
	Trường Tiểu Học Đức Lạng	3.145	3.145							
	Trường Tiểu Học Đức Đồng	4.528	4.528							
	Trường Tiểu Học Hòa Lạc	3.643	3.643							
	Trường Tiểu Học Đức Long	4.866	4.866							
	Trường Tiểu Học Đức Lập	3.703	3.703							
	Trường Tiểu Học Đức An	3.851	3.851							
	Trường Tiểu Học Đức Dũng	3.741	3.741							
	Trường Tiểu Học Đức Lâm	5.229	5.229							
	Trường Tiểu Học Đức Thanh	3.225	3.225							
	Trường Tiểu Học Đức Thủy	3.702	3.702							
	Trường Tiểu Học Trung Lễ	4.082	4.082							
	Trường Tiểu Học Đức Thịnh	4.265	4.265							
	Trường Tiểu Học Thái Yên	6.643	6.643							

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
	Trường Tiểu Học Yên Hồ	4.273	4.273							
	Trường Tiểu Học Nguyễn Trãi	3.274	3.274							
	Trường Tiểu Học Xuân Thiều	3.629	3.629							
	Trường Tiểu Học Đức Yên	4.834	4.834							
	Trường Tiểu Học Thị Trấn	8.011	8.011							
	Trường Tiểu Học Tùng Ảnh	7.456	7.456							
	Trường Tiểu Học Trường Sơn	5.415	5.415							
	Trường Tiểu Học Liên Minh	4.320	4.320							
	Trường Tiểu Học Tùng Châu	3.064	3.064							
	Trường Tiểu Học Quang Vĩnh	3.435	3.435							
	Trường Tiểu Học Tân Hương	2.162	2.162							
	Khối THCS	**87.091**	**87.091**							
	Trường THCS Đồng Lạng	6.155	6.155							
	Trường THCS Đậu Quang Lĩnh	8.847	8.847							
	Trường THCS Lê Văn Thiêm	10.058	10.058							
	Trường THCS Lê Ninh	6.032	6.032							
	Trường THCS Thanh Dũng	7.961	7.961							
	Trường THCS Bình Thịnh	8.933	8.933							
	Trường THCS Nguyễn Biểu	9.174	9.174							
	Trường THCS Yên Trấn	10.258	10.258							
	Trường THCS Hoàng Xuân Hãn	10.365	10.365							

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
	Trường THCS Lê Hồng Phong	9.307	9.307							
2	**Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề**	**2.393**	**2.393**							
a	Trung tâm GDNN - GDTX	1.765	1.765							
b	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	628	628							
III	**Sự nghiệp kinh tế**	**1.962**						**1.962**		
1	Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi	1.962						1.962		
IV	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**550**								**550**
1	Hội chữ thập đỏ	209								209
2	Hội người mù	228								228
3	Hội người cao tuổi	112								112
V	**Sự nghiệp Văn hóa - TD - TT**	**1.904**			**1.904**					
1	Trung tâm văn hóa truyền thông	1.904			1.904					
VI	**Sự nghiệp y tế**	**26.973**		**26.973**						
1	Trung tâm y tế huyện	26.973		26.973						
VII	**An ninh (Công an huyện)**	**850**				**850**				
VIII	**Quốc phòng (Ban chỉ huy quân sự huyện)**	**1.259**					**1.259**			
IX	**Hội đặc thù**	**785,4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**448,8**	**336,6**
1	Hội TNXP	112,2								112,2
2	Hội khuyến học	112,2							112,2	
3	Hội thập đỏ	112,2								112,2

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ							
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
4	Hội người cao tuổi	112,2								112,2
5	Hội người mù	112,2							112,2	
6	Hội nạn nhân chất độc da cam	112,2							112,2	
7	Hội bảo trợ người tàn tật & trẻ Mồ côi	112,2							112,2	

Biểu số 89/CK-NSNN

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Tổng chi ngân sách xã
A	B	1	2	5	8
	TỔNG SỐ	**317.040**	**80.243**	**112.773**	**193.016**
1	Đức Lạng	1.422	714	6.166	6.880
2	Đức Đồng	1.334	730	6.547	7.276
3	Hòa Lạc	2.514	1.304	9.062	10.366
4	Tân Dân	4.704	2.025	8.999	11.023
5	An Dũng	2.683	1.244	9.145	10.388
6	Lâm Trung Thủy	11.741	5.268	9.665	14.933
7	Thanh Bình Thịnh	13.855	4.835	7.933	12.768
8	Yên Hồ	18.270	6.664	4.426	11.090
9	Bùi La Nhân	5.900	2.819	9.164	11.983
10	Thị trấn	209.765	35.467	5.294	40.761
11	Tùng Ảnh	36.565	16.168	5.286	21.454
12	Trường Sơn	1.205	650	7.201	7.851
13	Liên Minh	1.514	736	5.489	6.225
14	Tùng Châu	230	182	6.189	6.371
15	Quang Vĩnh	5.301	1.409	7.028	8.436
16	Tân Hương	40	31	5.179	5.210

UBND HUYỆN ĐỨC THỌ

Biểu số 92/CK-NSNN

BIỂU SỐ 4: PHÂN BỔ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2023			
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
				Ngoài nước	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
A	B	1	2	3		4
	Tổng cộng (I+II+...+VI)		**52.573**			**52.573**
I	**Xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**		**21.800**			**21.800**
1	Hỗ trợ Đầu tư các dự án xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Các xã, thị trấn	14.800			14.800
2	Các dự án duy tu bảo trì đường bộ huyện năm 2024	Các xã, thị trấn	7.000			7.000
II	**Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh**		**15.750**			**15.750**
1	**Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu và Thị trấn đạt đô thị văn minh**		**5.100**			**5.100**
1.1	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với xã không có nguồn thu từ tiền đất: 2 xã x 1 tỷ đồng/xã	Các xã	2.000			2.000
1.2	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với xã có nguồn thu từ tiền đất: 1 xã x 800 triệu đồng/xã	Các xã	800			800
1.3	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (1,5 tỷ đồng/xã)	Các xã	1.500			1.500
1.4	Thưởng Thị trấn đạt đô thị văn minh	Các xã	800			800
2	**Khởi công công trình đô thị văn minh**		**3.800**			**3.800**
2.1	Xây dựng nhà vệ sinh học sinh, sân bóng chuyền, sân khấu, thư viện xanh - Trường THCS Yên Trấn	Thị trấn	500			500
2.2	Sửa chữa, nâng cấp 3 dãy nhà học 2 tầng trường Tiểu học Thị trấn	Thị trấn	300			300

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2023			
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
				Ngoài nước	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
2.3	Sửa chữa, nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS Yên Trấn	Thị trấn	300			300
2.4	Sửa chữa Nhà hiệu bộ và 2 dãy nhà học 2 tầng Trưởng tiểu học thị trấn Đức Thọ	Thị trấn	700			700
2.5	Mương tiêu úng, thoát lũ Tổ dân phố 8, thị trấn Đức Thọ	Thị trấn	2.000			2.000
3	**Thưởng khu dân cư kiểu mẫu; tổ dân phố văn minh và duy trì tiêu chí**		**1.250**			**1.250**
3.1	Thưởng khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Đối với xã không có tiền đất): 5 khu * 150trđ/khu	Các xã, thị trấn	750			750
3.2	Thưởng khu dân cư đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (Đối với các xã còn lại): 4 khu * 100trđ/khu	Các xã, thị trấn	400			400
3.3	Thưởng tổ dân phố đạt chuẩn Tổ dân phố kiểu mẫu: 1TDP * 100trđ/TDP	Các xã, thị trấn	100			100
4	**Dự án kỷ niệm 120 năm Trần Phú**		**1.600**			**1.600**
4.1	Sân khấu ngoài trời và các hạng mục phụ trợ sân vận động xã Tùng Ảnh	Xã Tùng ảnh	500			500
4.2	Công viên Trần Phú (tại khu vực Trường THSC Hoàng Xuân Hãn cũ)	Xã Tùng ảnh	700			700
4.3	Xây dựng điểm check in tại bến Tam Soa	Xã Tùng ảnh	200			200
4.4	Nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện năm 2024	Xã Tân Dân	200			200
5	**Kinh phí đối ứng hỗ trợ xi măng làm đường giao thông, rãnh thoát nước, kênh mương nội đồng (Theo NQ số 44/2021/HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh)**	Các xã	**1.500**			**1.500**
6	**Kinh phí đối ứng hỗ trợ phục hồi nâng cấp mặt đường BTXM (Theo NQ số 44/2021/HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh)**	Các xã	**2.500**			**2.500**
III	**Hỗ trợ xử lý rác thải, kinh phí các quy hoạch**		**6.400**			**6.400**
1	Kinh phí xử lý rác thải	Các xã	4.000			4.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2023			
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
				Ngoài nước	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
3	Đồ án quy hoạch chung đô thị mới Tam Đồng và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Xã Bùi La Nhân và Yên Hồ	400			400
4	Đồ án quy hoạch chung Đô thị	Thị trấn	2.000			2.000
IV	**Hỗ trợ kinh phí lĩnh vực Văn hóa**		**2.650**			**2.650**
1	Hỗ trợ xây dựng mới nhà văn hóa xã, thị trấn: 01 nhà x 200 trđ/nhà	Các xã, thị trấn	200			200
2	Hỗ trợ nâng cấp nhà văn hóa xã, thị trấn: 01 nhà x 100 trđ/nhà	Các xã, thị trấn	100			100
3	Hỗ trợ xây dựng mới nhà văn hóa thôn, tổ dân phố: 03 nhà x 100 trđ/nhà	Các xã, thị trấn	300			300
4	Hỗ trợ nâng cấp nhà nhà văn hóa thôn, tổ dân phố: 05 nhà x 50 trđ/nhà	Các xã, thị trấn	250			250
5	Hỗ trợ xây dựng khu vui chơi giải trí cho người cao tuổi và trẻ em: 04 khu x 50 trđ/khu	Các xã, thị trấn	200			200
6	Hỗ trợ xây dựng các khu thể thao, tổ dân phố: 05 khu x 20 trđ/khu	Các xã, thị trấn	100			100
7	Hỗ trợ xây dựng ngôi nhà trí tuệ 2 nhà x 50tr	Các xã	100			100
8	Kinh phí Trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa đã được xếp hạng (Di tích cấp quốc gia 2 di tích x 200 trđ/di tích) và (2 di tích cấp tỉnh x 100 trđ/di tích)	Các xã, thị trấn	600			600
9	Hỗ trợ dự án khai phát triển Văn hóa - Du lịch - Dịch vụ trên Sông La	Các xã, thị trấn	800			800
V	**Hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia**		**300**			**300**
1	- Hỗ trợ Trường chuẩn quốc gia mức độ 1 được công nhận lần đầu: 1 trường x 100 triệu/trường - Hỗ trợ Trường chuẩn quốc gia mức độ 2 được công nhận lần đầu: 2 trường x 100 triệu/trường	Các xã, thị trấn	300			300

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2023			
			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
				Ngoài nước	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã
VI	Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (Theo chỉ thị Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2018 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của TTg Chính phủ - tối thiểu 10% tiền thuê đất và SD đất)		5.673			5.673
	Tổng cộng (I+II+...+VI)		52.573			52.573
	Phần tiền đất huyện hưởng		96.300			96.300
	Còn lại được phân bổ trả nợ và đầu tư mới (Phụ biểu 92.1)		43.727			43.727

PHỤ BIỂU 92.1 DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND huyện Đức Thọ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
	TỔNG SỐ				**285.354**	**178.536**	**107.905**	**43.727**
A	**Dự án hoàn thành và thanh toán trong năm 2024**				**247.716**	**178.536**	**107.905**	**35.927**
I	**Dự án giao thông, thủy lợi**				**108.493**	**84.576**	**59.516**	**11.084**
1	Dự án Đường giao thông xã Đức Thanh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND huyện Đức Thọ	2017-2018	14.195	10.766	10.100	500
2	Dự án Khắc phục sửa chữa hồ chứa nước Ao Sen xã Đức Lập	Xã Tân Dân	UBND huyện Đức Thọ	2013-2014	917	820	730	90
3	Dự án Hệ thống phòng chống cháy nổ tại cụm công nghiệp xã Thái Yên	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND huyện Đức Thọ	2015-2016	1.130	1.015	1.000	15
4	Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Bạ xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND huyện Đức Thọ	2015-2016	1.362	1.078	1.063	15
5	Dự án Nâng cấp tuyến đường liên xã Tùng Ảnh - Thị trấn (HL09)	Xã Tùng Ảnh	UBND huyện Đức Thọ	2018-2019	14.947	12.764	12.000	500
6	Sửa chữa cầu tràn liên hợp và xây dựng tuyến đường từ Đường Trục xã TX01 đi qua khu dân cư lên Nghĩa trang số 02 tại thôn Tân Lộc, xã Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2022	3.000	2.400	1.220	700

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
7	Các dự án duy tu bảo trì đường bộ huyện năm 2021 - 2023	UBND các xã, thị trấn	UBND huyện Đức Thọ	2021-2023	799	5.500	4.701	500
8	Đường trục chính xã Tùng Ảnh (đoạn qua đường dân sinh với khu sinh thái thôn Châu Nội)	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2022	7.700	5.000	3.000	750
9	Dự án đường giao thông xã Lâm Trung Thủy, huyện Đức Thọ	Xã Lâm Trung Thủy	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	3.950	500		1.900
10	Dự án Đường liên xã Trung Lễ - Bùi Xá	Xã Lâm Trung Thủy	UBND huyện Đức Thọ	2018-2019	14.563	12.638	9.663	500
11	Dự án Đường giao thông nông thôn thôn Đại Nghĩa - thôn Hùng Dũng, xã Đức Yên	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	14.551	13.676	6.200	400
12	Sửa chữa đường sạt lở trục chính thôn Hà Cát, xã Đức Lạng	Xã Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	2023	387	364	0	364
13	Đường giao thông trục chính thôn Đồng Vịnh xã Tân Dân	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	2022	4.200	2.940	1.000	600
14	Dự án Đường giao thông tổ dân phố 3, 4 và tổ dân phố 8, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2022-2023	5.500	4.797	4.400	250
15	Dự án Nâng cấp đường giao thông thôn Châu Diên, xã Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	6.954	329	0	1.200
16	Mương tiêu úng vùng phía trên ngã 3 Lạc Thiện	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	2.389	2.389	1.439	500

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
17	Đường giao thông liên thôn Trung Đông - Trung bắc	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	949	600		400
18	Đường GTNT thôn Đồng Quang, Phúc Hòa, Sơn Thành xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2018	11.000	7.000	3.000	900
19	Đường GT nội đồng xã Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2018	1.219	1.058		72
20	Đường GTNT xã Yên Hồ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2014	14.950	13.667	13.079	128
21	Nâng cấp đường trục chính nội đồng vùng SX lúa năng suất chất lượng cao xã Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2019	1.170	1.037	700	150
22	Nâng cấp kênh mương nội đồng xã Đức Nhân	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2019	1.220	1.099	700	150
23	Đường giao thông nội vùng xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2022-2023	14.960	10.600	2.000	500
II	**Dự án giáo dục**				**79.109**	**56.339**	**24.071**	**11.882**
1	Dự án Khối phòng học chức năng và hỗ trợ học tập 02 tầng 06 phòng, trường tiểu học Quang Vĩnh	Xã Quang Vĩnh	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	4.500	114	2.000	900
2	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Đức Lạng - Hạng mục: Cải tạo sân trường và sân bóng đá mini	Xã Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	2021-2021	1.260	1.113	1.021	85

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
3	Nâng cấp, sửa chữa trường mầm non Đức Lạng	Xã Đức Lạng	UBND xã Đức Lạng	2022-2023	1.198	1.103	750	250
4	Xây dựng Nhà bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Thị trấn Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND thị trấn Đức Thọ	2023-2024	9.000	4.000	1.000	800
5	Xây dựng nhà bếp, cải tạo nhà hiệu bộ, cải tạo nhà hội trường, và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Đức Dũng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2023-2024	3.500	2.450	1.500	900
6	Xây dựng nhà hiệu bộ 2 tầng trường tiểu học Tùng Châu	Xã Tùng Châu	UBND xã Tùng Châu	2023-2024	3.800	3.000	2.700	800
7	Nâng cấp sữa chữa khuôn viên Trường THCS Thanh Dũng (San nền, lát sân, rãnh thoát nước)	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2022	967	884	700	150
8	Nhà học bộ môn 2 tầng 6 phòng, sân bóng nhân tạo và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Đức Yên	Thị trấn Đức Thọ	UBND thị trấn Đức Thọ	2023	8.600	4.000	500	500
9	Mái che di động trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	Trường TPT Minh Khai	Trường THPT Minh Khai	2023	1.200	-	0	500
10	Thư viện xanh tiểu học Đức Thủy	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2023	442	400	0	300
11	Nhà vệ sinh học sinh Trường THCS Nguyễn Biểu xã Yên Hồ	Xã Yên Hồ	UBND xã Yên Hồ	2023	1.190	950	200	400

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
12	Trường mầm non Đức An, Hạng mục: cải tạo khu WC, nhà học 2 tầng 8 phòng, mái che, sân khấu, mương thoát nước, bồn hoa	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2023	1.000	900	200	300
13	Nhà thi đấu đa năng trường Tiểu học Đức Thủy Huyện Đức Thọ	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2022	5.655	5.655	1.800	500
14	Cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2022	2.700	1.890	600	700
15	Nâng cấp, sửa chữa sân trường, mương thoát nước, bồn hoa, cổng, hàng rào, nhà để xe Trường Tiểu học Quang Vĩnh	Xã Quang Vĩnh	UBND xã Quang Vĩnh	2022	1.202	1.202	300	600
16	Cải tạo nâng cấp Trường THCS Lê Hồng Phong xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2022	5.600	5.300	1.500	800
17	Dự án Trường tiểu học Đức Thanh - Hạng mục: Nhà hiệu bộ 2 tầng và nhà đa chức năng	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2019-2020	6.860	4.393	3.700	550
18	Xây dựng đường vào, cổng Trường tiểu học Đức Thanh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2022	995	911	300	550
19	Nhà đa năng Trường tiểu học Liên Minh	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh		3.850	3.750	1.500	300
20	Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng và xây dựng hàng rào Trường tiểu học Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn		2.350	2.200	500	300

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
21	Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Đức Lâm	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy		2.560	2.500	1.600	300
22	Nhà đa năng Trường tiểu học Nguyễn Xuân Thiều	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân		3.790	3.700	1.200	400
23	Cải tạo Nhà học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học Đức Long	Xã Tân Dân	UBND xã Tân Dân	2023	1.157	1.139	500	497
24	Khối nhà hỗ trợ học tập 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học Đức Thanh,	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2022 - 2023	5.733	4.785	0	500
III	**Dự án Văn hóa, y tế**				**23.559**	**20.852**	**15.500**	**3.459**
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp bến Tam Soa, xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ	Xã Tùng Ảnh	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	7.600	7.045	5.750	800
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp bến cảng chợ Hôm, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2021-2022	7.300	6.640	5.050	800
3	Dự án Nâng cấp đường vào và khuôn viên trước cổng Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Thọ	Xã Tân Dân	UBND huyện Đức Thọ	2022-2022	4.500	4.208	3.400	400
4	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường lên khu mộ và các hạng mục phụ trợ tại nhà thờ Đình nguyên tiến sỹ Phan Đình Phùng	Xã Tùng Ảnh	UBND huyện Đức Thọ	2022-2022	1.131	1.059	800	259
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Thọ - Hạng mục: Cải tạo nhà điều hành, hệ thống điện khu bia, làm nhà vệ sinh và hệ thống cấp nước	Xã Tân Dân	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	1.188	600	300	500

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
6	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2022	1.200	900		400
7	Cải tạo trạm y tế xã Tân Hương, huyện Đức Thọ - Hạng mục: Mái che mái tôn nhà làm việc 2 tầng, lát sân và các hạng mục phụ trợ	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2023	640	400	200	300
IV	**Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở**				**36.556**	**16.769**	**8.818**	**9.502**
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trung tâm hành chính công huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	4.700	232	448	1.600
2	Dự án Cải tạo nhà ăn, nhà tập luyện thể thao và các công trình phụ trợ Trụ sở UBND huyện	UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2023-2024	4.000	222	500	1.200
3	Xây dựng Gara ô tô, xe máy và các hạng mục phụ trợ BCH Quân sự huyện Đức Thọ	Quân sự huyện Đức Thọ	BCH Quân sự huyện Đức Thọ	2023-2023	475	473	300	120
4	Sửa chữa Nhà làm việc 3 tầng và xây dựng các hạng mục phụ trợ Trụ sở làm việc xã Đức Đồng	Xã Đức Đồng	UBND xã Đức Đồng	2022	4.200	2.940	2.250	750
5	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng khối tổ chức, đoàn thể Trụ sở xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2022	1.200	1.132	800	332
6	Cải tạo Trạm y tế thành Trụ sở Công an xã Bùi La Nhân	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2023	998	900	0	700
7	Cải tạo trụ sở công an xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	UBND xã Trường Sơn	2023	900	900	120	700

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
8	Sửa chữa nâng cấp sân, mương thoát nước, nhà làm việc Phòng GD&ĐT huyện Đức Thọ	Phòng GDĐT	Phòng GDĐT	2022	1.062	970	400	400
9	Nâng cấp, mở rộng nhà giao dịch một cửa và hạng mục phụ trợ UBND xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2023	1.050	900	0	600
10	Trụ sở Bùi La Nhân, hạng mục: Nhà làm việc 3 tầng	Xã Bùi La Nhân	UBND xã Bùi La Nhân	2021	14.171	7.000	4.000	1.800
11	Cải tạo trụ sở Thị trấn, hạng mục: Cổng, hàng rào, lắp đặt nội thất phòng làm việc	Thị trấn Đức Thọ	UBND thị trấn Đức Thọ	2023	1.500	200	0	300
12	Cải tạo nhà giao dịch Một cửa xã Tân Hương và các hạng mục phụ trợ	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2023	1.300	400	0	500
13	Cải tạo nhà giao dịch Một cửa xã Liên Minh và các hạng mục phụ trợ	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2023	1.000	500	0	500
B	**Dự án khởi công mới năm 2024**				**37.638**			**7.800**
I	**Dự án giao thông, thủy lợi**				**2.000**			**500**
1	Đường liên thôn và mương thoát nước thôn Bình Hà - Gia Thịnh xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	2.000			500
II	**Dự án giáo dục**				**29.388**			**5.600**
1	Trường Mầm non Liên Minh, hạng mục: Nhà bếp và công trình phụ trợ	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2024	1.200			400
2	Trường Mầm non Liên Minh, hạng mục: Khu vui chơi	Xã Liên Minh	UBND xã Liên Minh	2024	650			300

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
3	Trường THCS Lê Ninh, hạng mục: Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng 6 phòng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024	1.100			300
4	Trường Mầm non Đức Lâm, hạng mục: Nhà học 4 phòng, phòng đa năng, phòng họp giáo viên	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	4.500			700
5	Xây dựng khuôn viên, cổng hàng rào và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Đức Dũng	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2023-2024	2.500			300
6	Sửa chữa nâng cấp nhà học và bếp ăn bán trú Trường Mầm non Đức Thanh xã Thanh Bình Thịnh	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	1.400			300
7	Xây dựng cổng, hàng rào phía trước, nhà xe, lát sân, nhà chờ giáo viên kết hợp nhà vệ sinh Trường THCS Hoàng Xuân Hãn	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng Ảnh	2023-2024	4.600			800
8	Cải tạo khối phòng phụ trợ, nhà thường trực, sân bóng chuyền, nâng cấp khuôn viên, mương thoát nước trường tiểu học Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2023-2024	2.600			300
9	Xây dựng 02 phòng làm việc, vườn rau, vườn cây trải nghiệm và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Hương	Xã Tân Hương	UBND xã Tân Hương	2023-2024	1.200			300
10	Cải tạo, nâng cấp Khuôn viên Trường THCS Thanh Dũng (Cổng, hàng rào)	Xã Thanh Bình Thịnh	UBND xã Thanh Bình Thịnh	2024	1.138			300
11	Xây dựng khối phòng học, phòng chức năng 2 tầng trường mầm non Tùng Châu, huyện Đức Thọ	Xã Tùng Ảnh	UBND xã Tùng châu	2023-2024	6.200			800
12	Trạm y tế xã An Dũng, hạng mục: Cải tạo nhà điều trị 2 tầng, nhà vệ sinh, cổng, hàng rào	Xã An Dũng	UBND xã An Dũng	2024	1.200			300

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng thực hiện khởi công đến 15/12/2023	Lũy kế vốn đã bố trí đến ngày 15/12/2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (NS huyện)
13	Trường Tiểu học Đức Thủy, hạng mục: Nâng cấp khuôn viên, mương thoát nước, các hạng mục phụ trợ	Xã Lâm Trung Thủy	UBND xã Lâm Trung Thủy	2024	1.100			500
III	**Dự án xây dựng, cải tạo trụ sở**				**6.250**			**1.700**
1	Nâng cấp nhà làm việc tiếp dân cơ quan Công an huyện	Công an huyện	Công an huyện	2024	250			200
2	Nhà làm việc cơ quan Khối dân, hạng mục: Cải tạo Hội trường lớn, nhà xe và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2024	1.500			300
3	Nhà làm việc cơ quan Huyện ủy, hạng mục: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2024	2.500			600
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 02 tầng Trụ sở UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	UBND huyện Đức Thọ	2024-2025	2.000			600